

UBND ĐẶC KHU PHÚ QUỐC
TRƯỜNG TH VÀ THCS
NGUYỄN TRUNG TRỰC

Số: 302/KH-TH&THCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Quốc, ngày 25 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện quy định về công khai trong hoạt động theo Thông tư
09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo,
năm học 2025 – 2026 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực xây dựng Kế hoạch thực hiện quy định về công khai trong hoạt động theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2025 – 2026 của đơn vị, với nội dung cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

Thực hiện công khai các nội dung công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân gồm các nội dung về cơ sở giáo dục, chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu chi tài chính, kế hoạch hoạt động của giáo dục phổ thông để các thành viên trong nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

II. Yêu cầu

- Việc thực hiện công khai đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời gian theo quy định của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của pháp luật liên quan.

- Thực hiện minh bạch các thông tin có liên quan của đơn vị để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của đơn vị.

- Góp phần phát huy tính dân chủ, nâng cao năng lực và trách nhiệm giải trình của đơn vị.

B. NỘI DUNG CÔNG KHAI

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG (Phụ lục 1 kèm theo)

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 07, Mạc Cửu, khu phố 4 Dương Đông, đặc khu Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, điện thoại: 02976.292299, địa chỉ thư điện tử: c12nguyentrungtrucpq@gmail.com, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục: <https://c12nguyentrungtrucpq.edu.vn> (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: là đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp: Phòng GD-ĐT thành phố Phú Quốc quản lý trực tiếp về chuyên môn, Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc quản lý trực tiếp về quản lý nhà nước.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

4.1. Sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường:

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý HS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Mục tiêu của nhà trường:

Mục tiêu chính là giáo dục phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học chương trình giáo dục trung học phổ thông hoặc chương trình, giáo dục nghề nghiệp.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực mới thành lập và đi hoạt

động từ năm học 2021 – 2022, được thành lập theo Quyết định số 1745/QĐ-UBND, ngày 22/4/2021 và Quyết định số 30/QĐ-UBND, ngày 01/7/2025 của Chủ tịch UBND đặc khu Phú Quốc Về việc tổ chức lại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực trực thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc, tổng diện tích của trường là 6.261,10 m². Trường đặt vị trí ngay trung tâm đặc khu Phú Quốc, địa chỉ: số 07, đường Mạc Cửu, khu phố 4 Dương Đông, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang. Nhà trường địa bàn quản lý rộng (gồm khu phố 3,4,6,9,11,12 Dương Đông) dân số đông nên trường gặp không ít khó khăn nhưng nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2022 – 2027 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và Lãnh đạo nhà trường cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh nhà trường. Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của nhà trường có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục và Kế hoạch của các địa phương triển khai Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong những năm qua tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động của trường luôn nỗ lực đạt nhiều thành tích đáng khích lệ, được tặng nhiều danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của các cấp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: *Họ và tên: Nguyễn Anh Khoa, chức vụ: Hiệu trưởng, địa chỉ nơi làm việc: số 07, đường Mạc Cửu, khu phố 4 Dương Đông, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang; số điện thoại: 0917672982, địa chỉ thư điện tử: khoana21703@gmail.com.*

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 1745/QĐ-UBND, ngày 22/4/2021 của UBND thành phố Phú Quốc về việc thành lập Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực và Quyết định số 30/QĐ-UBND, ngày 01/7/2025 của Chủ tịch UBND đặc khu Phú Quốc Về việc tổ chức lại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực trực thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-UBND, ngày 13/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc (nay là UBND đặc khu Phú Quốc) Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực, nhiệm kỳ 2022-2027 (Gồm: 01 Chủ tịch, 01 thư ký và 13 thành viên).

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng là đồng chí Nguyễn Anh Khoa theo Quyết định điều động, bổ nhiệm viên chức, Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND thành phố Phú Quốc.

- Phó Hiệu trưởng là đồng chí Trần Thị Mỹ Hương theo Quyết định điều động, bổ nhiệm viên chức, Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND thành phố Phú Quốc.

- Phó Hiệu trưởng là đồng chí Ngô Thanh Bình theo Quyết định điều động, bổ nhiệm viên chức, Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND thành phố Phú Quốc.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Thực hiện Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, bao gồm: Tổ chức và quản lý nhà trường; Tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường; Nhiệm vụ và quyền của giáo viên nhân viên; Nhiệm vụ và quyền của học sinh; Tài chính và tài sản của nhà trường; Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường: Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực đặt vị trí ngay trung tâm phường Dương Đông. Địa bàn quản lý và tuyển sinh của nhà trường: tuyển sinh học sinh khu phố 3,4,6,9,11,12 Dương Đông và một số học sinh địa bàn khác đến học. Quản lý và chỉ đạo mọi hoạt động giáo dục trong nhà trường theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của các bậc học. Bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ. Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương. Tổ chức các phong trào thi đua trong đơn vị. Xây dựng các tổ chức, đoàn thể vững mạnh. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực gồm có: Hội đồng trường; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tư vấn; Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổ chức Đoàn thanh niên; Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; 07 tổ chuyên môn; 01 Tổ văn phòng; có 41 lớp với 1.668 học sinh (cấp Tiểu học 15 lớp với 602 học sinh, cấp THCS 26 lớp với 1.066 học sinh).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội

đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. THU, CHI TÀI CHÍNH (Phụ lục 2 kèm theo)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

+ Nguồn ngân sách nhà nước cấp năm 2025:

Nội dung	Số tiền	Quyết định giao dự toán
1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	21.684.715.877	Quyết định giao dự toán số 1965/QĐ-UBND ngày 05/8/2025
2. Kinh phí Hỗ trợ chi phí học tập	8.100.000	Quyết định giao bổ sung dự toán số 1974/QĐ-UBND ngày 22/5/2025
3. Kinh phí tổ chức Lễ khai giảng năm học 2025-2026	5.000.000	Quyết định giao dự toán số 3117/QĐ-UBND ngày 29/08/2025
TỔNG KP NS CẤP	21.689.715.877	

+ Thu các khoản ngoài ngân sách theo quy định năm học 2024-2025

STT	Nguồn quỹ	Mức thu HS /tháng (năm)	Số học sinh	Tổng thu	Công văn hướng dẫn thu
1	Tiếng anh lớp 1 và 2	350.000	159	55.650.000	NQ 23/2023/NQ-HĐND Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2	Hợp đồng nhân viên vệ sinh trường (Tiểu học)	60.000	536	32.160.000	NQ 23/2023/NQ-HĐND Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
	Hợp đồng nhân viên vệ sinh trường (THCS)	40.000	999	39.960.000	
3	Khám sức khỏe học sinh ban đầu	20.000	1.538	30.760.000	NQ 23/2023/NQ-HĐND Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
4	Sổ khám sức khỏe (Chỉ thu học sinh lớp 1	10.000	315	3.150.000	NQ 23/2023/NQ-HĐND Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
5	Sổ liên lạc điện tử	60.000	1.524	91.440.000	Công văn số 697/PGDDĐT ngày 05/8/2021 của Phòng GD&ĐT về việc tiếp tục ứng dụng phần mềm SMAS 3.0, Sổ liên lạc điện tử và các ứng dụng CNTT chuyên ngành từ năm học 2021 - 2022
6	Bảo hiểm tai nạn (BHBV)	200.000	916	183.200.000	Thu tự nguyện không bắt buộc

7	Ghế ngồi chào cờ (HS lớp 1 và 6)	60.000	315	18.900.000	NQ 23/2023/NQ-HĐND Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
8	Phô tô tài liệu phục vụ ôn tập, kiểm tra (Tiểu học)	48.000	536	25.728.000	NQ 23/2023/NQ-HĐND Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
	Phô tô tài liệu phục vụ ôn tập, kiểm tra (THCS)	60	999	59.940.000	
9	Túi hồ sơ lớp 1 và 6	10.000	315	3.150.000	NQ 23/2023/NQ-HĐND Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
10	Học bạ giấy học sinh lớp 1 và 6	10.000	315	3.150.000	NQ 23/2023/NQ-HĐND Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
TỔNG CỘNG KHOẢN THU				547.848.000	

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

+ Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

+ Kết quả thu chi hoạt động

Stt	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	22.143.483.877	19.023.087.867
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	21.689.715.877	17.862.375.867
II	Thu giáo dục và đào tạo	453.768.000	1.160.712.000
1.1	Học phí, lệ phí từ người học	453.768.000	1.160.712.000
1.2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
1.3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
1.4	Thu khác		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	11.192.586.561	12.706.479.777
I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập cho cán bộ	6.909.406.323	11.990.712.534
	Tiền lương	3.400.899.577	4.584.846.220
	Các khoản đóng góp theo lương	670.133.464	1.327.415.551
	Phụ cấp lương	2.463.502.570	5.786.201.800
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	374.870.712	292.248.963
II	KP thực hiện cải cách tiền lương	3.106.179.463	3.534.246.073
	Tiền lương	1.369.640.700	1.546.355.672
	Phụ cấp lương	1.357.744.798	1.550.478.083
	Các khoản đóng góp	378.793.965	437.412.318
III	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	594.064.063	
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	594.064.063	1.217.065.925
	Tiền thưởng	9.360.000	17.900.000
	Phúc lợi tập thể		5.544.000
	Các khoản thanh toán		139.960.000
	Thanh toán dịch vụ công cộng	129.531.002	234.917.941

	Vật tư văn phòng	54.314.476	107.743.254
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	21.402.397	46.158.739
	Hội nghị		0
	Công tác phí	86.490.000	209.346.000
	Chi phí thuê mướn	173.672.848	130.283.409
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	37.274.800	114.317.982
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	60.918.540	134.192.920
	Mua sắm tài sản vô hình	17.900.000	66.860.720
	Chi khác	3.200.000	6.000.000
IV	KP không thường xuyên KP thực hiện chế độ không tự chủ	5.000.000	470.032.681
	Hỗ trợ khai giảng	5.000.000	5.000.000
	Hỗ trợ 20/11		5.000.000
	Tập huấn CBGV thao CT GDPT		79.500.000
	Hỗ trợ và cấp bù học phí		1.200.000
	Tiền thưởng		379.332.681
V	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
3.1	CHI SỰ NGHIỆP (Học Phí)	374.870.712	1.182.842.782
	Tiền lương		256.062.110
	Phụ cấp lương		232.210.540
	Các khoản đóng góp		89.613.774
	Vật tư văn phòng		48.784.032
	Chi phí thuê mướn	374.870.712	351.143.316
	Các khoản chi khác		46.767.161
3.2	Ôn thi học sinh lớp 9	0	84.003.440
	<i>Chi thù lao trực tiếp giảng dạy (không quá 80%)</i>	0	77.208.320
	<i>Chi thù lao trực tiếp giảng dạy (không quá 5%)</i>	0	4.825.520
	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	0	1.969.600
3.3	Tiền sỏ liên lạc điện tử SMAS		91.440.000

	Chi đóng tiền tin nhắn Smas viettel cho 1524 em học sinh năm học 2024-2025		91.440.000
3.4	Tiền hỗ trợ phô tô tài liệu, phục vụ ôn tập kiểm tra	15.368.000	14.627.000
	- Thanh toán tiền mua giấy photo đề kiểm tra năm học 2024-2025	4. 869.000	
	- Thanh toán tiền photo đề thi của sở GD và Phòng GD học kì II năm học 2024-2025	5. 689.000	
	- Thanh toán tiền mua giấy A4 đề kiểm tra năm học 2024-2025	4. 814.000	
	- Chi tiền thuê máy photocopy		9.072.000
	- Chi tiền photo đề thi của Sở Giáo dục		5.555.000
3.5	Tiền Tiếng anh học sinh lớp 1 và 2		20.263.440
	Chi tiền giáo viên giảng dạy từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024		20.263.440
3.6	Sổ khám sức khỏe HS lớp 6	0	0
	Chi mua sổ khám sức khỏe HS lớp 1 và 6	0	0
3.7	Kiểm tra khám sức khỏe định kỳ cho học sinh	0	0
	Chi khám sức khỏe cho học sinh năm học 2024-2025	0	0
3.8	Bảo hiểm Bảo việt (BH TN HS)	187.698.000	183.200.000
	Chi mua BHTN cho 861 học sinh năm học 2025-2026	187.698.000	
	Chi mua BHTN cho 916 học sinh năm học 2024-2025		183.200.000
3.9	Vệ sinh		14.000.000
	Từ tháng 09 năm 2024 đến 12 năm 2024		28.000.000
VI	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI (TỒN)	10.950.897.316	1.027.884.355
1	Kinh phí tự chủ (nguồn 13)	6. 919.536.612	201.3ss33.384
2	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (14)	3. 732.834.688	448.985.231
3	NGUỒN KP KHÔNG TỰ CHỦ (15)		

4	HỌC PHÍ	298.526.016	377.565.740
---	----------------	-------------	-------------

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

III. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG (Phụ lục 3 kèm theo)

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Số lượng cán bộ quản lý; vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 03.

- Số lượng giáo viên (kể cả giáo viên là TPT đội); Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 66.

- Số lượng nhân viên; Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 03.

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp: $03/03=100,0\%$

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: $66/66=100,0\%$

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng: $03/03=100,0\%$

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên hoàn thành bồi dưỡng: $66/66=100,0\%$

- Số lượng, tỷ lệ nhân viên hoàn thành bồi dưỡng: $03/03=100,0\%$

IV. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG (Phụ lục 4 kèm theo)

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích đất của trường là: 6.261,10 m², tổng diện tích xây dựng là: 6.067,5 m²; tổng diện tích sân chơi: 3.762m²; Bình quân diện tích sân chơi m²/HS là 2,26 m²/hs (chưa đáp ứng với yêu cầu tối thiểu theo quy định - 6m²/hs).

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Khối phòng hành chính quản trị: 01 phòng Hiệu trưởng; 02 phòng Phó Hiệu trưởng; 01 phòng Văn phòng; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể; có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên; khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên.

- Khối phòng học tập: 30 phòng học; 01 phòng học bộ môn Âm nhạc; 01 phòng học bộ môn Mỹ thuật; 01 phòng học Công nghệ; 01 phòng học KHTN; 01 phòng học bộ môn Tin học; 01 phòng học bộ môn Ngoại ngữ; 01 nhà tập đa chức năng (theo Thông tư 13/2020 của BGDDT, ngày 26/5/2020 Quy định tiêu chuẩn CSVC thì thiếu 05 phòng cụ thể: 02 phòng KHTN, 01 phòng Tin học, 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Khoa học xã hội).

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 01 phòng Thư viện; 01 phòng thiết bị giáo dục (kho hành chánh); 01 phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; 01 phòng truyền thống, Đoàn, Đội.

- Khối phụ trợ: 01 phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường; 03 phòng các tổ chuyên môn – phòng nghỉ giáo viên (theo Thông tư 13/2020 của BGDDT, ngày 26/5/2020 Quy định tiêu chuẩn CSVC thì thiếu 04 phòng); 01 phòng Y tế trường học; 01 phòng nhà kho; có khu để xe học sinh; khu vệ sinh học sinh; khu sân chơi, thể dục thể thao.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Về thiết bị chuyên dùng: (Phụ lục 5 kèm theo)

a) Số thiết bị dạy học hiện có: Khối 1: 02 bộ (đáp ứng); khối 2: 04 bộ (đáp ứng); khối 3: 02 (đáp ứng) khối 4,5: 0 bộ (chưa đáp ứng); khối 6: 02 bộ (đáp ứng); khối 7,8,9: 0 bộ (chưa đáp ứng).

b) Về thiết bị chuyên dùng bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Máy tính 48; Tivi 37; tủ đựng thiết bị 06; máy in, scan 05; máy in màu 01; máy photo 02; máy laptop quản lý 03; hồ bơi 01; loa di động 02.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tủ kệ thư viện: 11 cái (đáp ứng).

- Sách giáo khoa: 2889 quyển (chưa đáp ứng), Sách Nghiệp vụ: 865 quyển (chưa đáp ứng), Truyện tranh: 1062 quyển (chưa đáp ứng), Sách báo tạp chí: 281 quyển (Chưa đáp ứng), Sách tham khảo: 209 (Chưa đáp ứng), Sách Bác Hồ: 48 quyển (Chưa đáp ứng), Sách Đạo đức: 30 Quyển (Chưa đáp ứng), Sách pháp luật: 50 Quyển (Chưa đáp ứng).

V. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (*Phụ lục 6 kèm theo*)

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường:

+ Nhà trường tiếp tục thực hiện duy trì công tác tự đánh giá đảm bảo đúng quy trình, chú trọng việc cải tiến chất lượng trong và sau quá trình đánh giá.

+ Nhà trường tiếp tục tham mưu các cấp lãnh đạo để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị như: các phòng bộ môn (02 phòng KHTN, 01 phòng Tin học, 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Khoa học xã hội); các phòng phụ trợ; các đầu sách (nguồn tư liệu) của Thư viện;..... tiến tới thực hiện đánh giá ngoài theo quy định.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Nhà trường có xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, ... Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học,... chưa được xây dựng và bổ sung đầy đủ theo quy định.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: Chưa đạt.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: Chưa đạt.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây: (*Phụ lục 7 kèm theo*)

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

* Cấp tiểu học:

Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

- Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài công khai thêm các nội dung sau đây: Không có.

- Cơ sở giáo dục thực hiện *chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây*: Không có.

*** Cấp THCS:**

Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc *chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây*:

- Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài *công khai thêm các nội dung sau đây*: Không có.

- Cơ sở giáo dục thực hiện *chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây*: Không có.

VI. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học: (Phụ lục 8 kèm theo)

a) Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường: Kế hoạch số 381/KH-TH&THCS, ngày 14/4/2025 kế hoạch tuyển sinh của nhà trường năm học 2025 – 2026, trong đó thể hiện rõ đối tượng: Tuyển sinh trẻ vào lớp 1 (sinh năm 2019 trở về trước) *thường trú hoặc tạm trú ở địa bàn khu phố 11 và khu phố 12. Đối với các trường tuyển sinh theo địa bàn được phân chia, nếu có dư chỉ tiêu thì chủ động liên hệ với Ban giám hiệu các trường khác trên địa bàn phường để tiếp nhận (nếu trường đó thiếu chỉ tiêu), tạo điều kiện học tập cho học sinh.* Tuyển sinh học sinh (sinh năm 2014 trở về trước) hoàn thành chương trình lớp 5 vào lớp 6 *thường trú hoặc tạm trú ở khu phố 3, khu phố 4, khu phố 6, khu phố 9. Đối với các trường tuyển sinh theo địa bàn được phân chia, nếu có dư chỉ tiêu thì chủ động liên hệ với Ban giám hiệu các trường khác trên địa bàn phường để tiếp nhận (nếu trường đó thiếu chỉ tiêu), tạo điều kiện học tập cho học sinh.*

Nhà trường tiến hành phân công thực hiện công tác tuyển sinh từ ngày 01/6/2025 đến ngày 30/6/2025 và các thông tin liên quan: Thông báo Tuyển sinh lớp 1, 6 năm học 2025 - 2026.

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh bổ sung: Kế hoạch số 628/KH-TH&THCS, ngày 16/6/2025 kế hoạch tuyển sinh học sinh lớp 1 của nhà trường năm học 2025 – 2026; Kế hoạch số 107/KH-TH&THCS, ngày 04/8/2025 kế hoạch tuyển sinh bổ sung học sinh lớp 1 lần 2 của nhà trường năm học 2025 – 2026.

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường: Kế hoạch số 166/KH-TH&THCS, ngày 30/8/2025 kế hoạch giáo dục nhà trường cấp Tiểu học năm học 2025 - 2026; Kế hoạch số 171/KH-TH&THCS, ngày 30/8/2025 kế hoạch giáo dục nhà trường cấp THCS năm học 2025 – 2026; Kế hoạch số 241/KH-TH&THCS, ngày 19/9/2025 của đơn vị kế hoạch giáo dục nhà trường cấp Tiểu học (điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung áp dụng từ ngày 12/9/2025 năm học 2025 – 2026) và Kế hoạch số 242/KH-TH&THCS, ngày 19/9/2025 của đơn vị kế hoạch giáo dục nhà

trường cấp THCS (điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung áp dụng từ ngày 12/9/2025 năm học 2025 – 2026).

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh:

- Kế hoạch số 686/KH-TH&THCS, ngày 24/9/2024 kế hoạch phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức trong và ngoài nhà trường năm học 2024 – 2025.

- Quy chế phối hợp số 687/QCPH-TH&THCS, ngày 24/9/2024 Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng năm học 2024-2025.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường: Nhà trường xây dựng các Kế hoạch hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường.

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có).

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước: (Phụ lục 9 kèm theo)

a) Kết quả tuyển sinh: HS 6 tuổi ra học lớp 1: 57/57 đạt 100%; HS hoàn thành CTTH vào lớp 6: 88/88 đạt 100%.

Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối:

- Khối lớp 1: Có 02 lớp; với tổng số học sinh 66; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $66/2 = 33$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 2: Có 03 lớp; với tổng số học sinh 111; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $111/3 = 37$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 3: Có 05 lớp; với tổng số học sinh 165; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $165/5 = 33$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 4: Có 03 lớp; với tổng số học sinh 116; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $116/3 = 38,7$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 5: Có 02 lớp; với tổng số học sinh 88; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $88/2 = 44$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 6: Có 06 lớp; với tổng số học sinh 248; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $248/6 = 41,3$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 7: Có 07 lớp; với tổng số học sinh 274; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $274/7 = 39,1$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 8: Có 07 lớp; với tổng số học sinh 303; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $250/6 = 43,3$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 9: Có 06 lớp; với tổng số học sinh 236; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $236/6 = 39,3$ học sinh/lớp.

Tổng số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 546 (TH: 546, THCS 00); số lượng học sinh nam/học sinh nữ: 1.607/791 HS (TH: 546/268, THCS 1061/523);

học sinh là người dân tộc thiểu số: 59 (TH: 16, THCS: 43); học sinh khuyết tật: 00 HS; số lượng học sinh chuyển trường: 33 (TH: 10, THCS: 23) và tiếp nhận học sinh học tại trường: 16 (TH: 8, THCS: 8).

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

* Cấp Tiểu học:

- Chỉ tiêu chất lượng giáo dục năng lực và phẩm chất:

	Năng lực	Phẩm chất
Tốt	429/546 (78,6%) vượt chỉ tiêu NQ 4,8%	478/546 (87,6%) vượt chỉ tiêu NQ 9,5%
Đạt	117/546 (21,4%)	68/546 (12,4%)
Cần cố gắng	0	0

+ Đánh giá: Năng lực: 546/546 đạt 100%.

+ Phẩm chất: 546/546 đạt 100%.

- Chỉ tiêu chất lượng giáo dục HTCT lớp học, HTCT tiểu học:

	Khối 1 (đạt 97% trở lên)	Khối 2 (đạt 98% trở lên)	Khối 3 (đạt 99,5% trở lên)	Khối 4 (đạt 99,5% trở lên)	Khối 5 (đạt 100%)
HTXS	43/66 (65,2%) vượt 113,8%	61/111 (54,95%) vượt 80,2%	79/165 (47,9%) vượt 80,75%	37/116 (31,9%) vượt 59,5%	27/88 (30,7%) vượt 53,5%
HHT	1/66 (1,5%) thấp hơn 95,1%	11/111 (9,9%) thấp hơn 68,1%	14/165 (8,5%) thấp hơn 72,1%	32/116 (27,6%) thấp hơn 8%	21/88 (23,8%) thấp hơn 20,7%
HT	22/66 (33,3%) thấp hơn 6,2%	39/111 (35,1%) thấp hơn 3,8%	71/165 (43,0%) vượt 1,2%	47/116 (40,5%) thấp hơn 18,2%	40/88 (45,5%) thấp hơn 9%
Cần cố gắng (CHT)	0	0	1/165 (0,6%)	0	0

+ Đánh giá môn học: Học sinh được đánh giá hoàn thành các môn học trở lên 545/546; tỷ lệ 99,82 %; Học sinh được đánh giá chưa hoàn thành một số môn học 1/546; tỷ lệ 0,18 %.

- Số lượng học sinh được lên lớp: 545/546; tỷ lệ 99,82%, số học sinh không được lên lớp: 1/546; tỷ lệ 0,18%.

- Học sinh được khen thưởng cuối năm: 327/546, tỷ lệ 59,9% (tăng 8,7% so với cùng kỳ).

- Học sinh tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức, kết quả: Đạt giải Nhất khối 2 Viết chữ đẹp cấp Thành phố, đạt 02 giải Nhất, 4 giải Khuyến khích kỳ thi Hội Trạng Nguyên tiếng Việt; cuộc thi Vio.Edu đạt 1 huy chương Đồng, 04 giải Khuyến khích cấp Tỉnh; Cuộc thi IOE- tiếng Anh trên internet đạt 02 giải Nhất, 01 giải Nhì, 04 giải Ba, 06 giải Khuyến khích; 01 giải Khuyến khích cuộc thi Nét vẽ mùa xuân cấp tỉnh.

*** Cấp THCS:**

- Kết quả rèn luyện: Kết quả từ mức đạt trở lên: 100% (Vượt chỉ tiêu nghị quyết 99%). Cụ thể: Tốt: 830 chiếm tỷ lệ 78.23% (Vượt chỉ chỉ Nghị quyết đề ra 78%), Khá: 206 chiếm tỷ lệ 19.42%, Đạt: 25 chiếm tỷ lệ 2.36%, Chưa đạt: 0.

- Kết quả rèn luyện: Tốt: 830 chiếm tỷ lệ 78.23% (Vượt chỉ chỉ Nghị quyết đề ra 78%), Khá: 206 chiếm tỷ lệ 19.42%, Đạt: 23 chiếm tỷ lệ 2.17%, Chưa đạt: 02 chiếm tỷ lệ 0.19%.

- Kết quả học tập: Kết quả từ mức đạt trở lên: 97,83% (Vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra 96%). Cụ thể: Tốt: 105 chiếm tỷ lệ 9.9%, Khá: 372 chiếm tỷ lệ 35.06% (Vượt chỉ chỉ Nghị quyết đề ra 35%), Đạt: 561 chiếm tỷ lệ 52,87% (Vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra 51%), Chưa đạt: 23 chiếm tỷ lệ 2,17% (Vượt chỉ tiêu nghị quyết đề dưới 4%)

- Tỷ lệ HS lưu ban: 23 chiếm tỉ lệ 2,17%.

- Tỷ lệ HS được công nhận TN THCS: 236/236, tỷ lệ 100% (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra 99%).

- Học sinh bỏ học: 06/1061, tỷ lệ 0,57% (Đạt chỉ tiêu đề ra là dưới 1,8%).

- Kết quả thi học sinh giỏi bộ môn: Có 07 HS đạt HS giỏi cấp thành phố, 02 cấp tỉnh.

- Kết quả các hội thi: 02 giải cấp quốc gia và nhiều HS đạt giải tỉnh, thành phố các Hội thi trên Internet do Phòng, Sở GD-ĐT tổ chức.

c) Số lượng học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình: 88/88 tỷ lệ 100%; học sinh lớp 9 được cấp bằng tốt nghiệp: 236/236 tỷ lệ 100%; Số lượng học sinh trúng tuyển lớp 10: 83% vượt 10% so với chỉ tiêu chung.

VIII. CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường:

Cơ sở giáo dục thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục, bao gồm:

a) Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tính đến tháng 6 hằng năm;

b) Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại Phụ lục I kèm

theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; *Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;*

c) Việc bố trí nội dung công khai được quy định tại điểm a, b¹ khoản 1, Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cổng thông tin điện tử do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

d) Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu khóa học, năm học mới: Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ trẻ em, học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới;

đ) Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian công khai

2.1. Thời điểm công khai của các cơ sở giáo dục như sau:

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

Đối với giáo dục phổ thông phải thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục về dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần của học sinh (nếu có) trước ngày thứ Bảy của tuần trước.

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

¹ - điểm a, khoản 1 Điều 14. Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tính đến tháng 6 hằng năm;

- điểm b, khoản 1 Điều 14. Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Trên đây là Kế hoạch thực hiện quy định về công khai trong hoạt động theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2025 – 2026 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh nhà trường nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có gì khó khăn, vướng mắc liên hệ Lãnh đạo nhà trường để kịp thời giải đáp./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Phòng VHXX đặc khu Phú Quốc;
- Ban chỉ đạo;
- Toàn thể CB,VC,NLĐ;
- Niêm yết công khai;
- Website của trường;
- Lưu: VT, HT, hồ sơ.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Anh Khoa



Phú Quốc, ngày 25 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN

Họp về việc công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, đầu năm học 2025-2026

- Hôm nay, vào lúc 14 giờ 40 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại phòng Hiệu trưởng trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực, Ban chỉ đạo tiến hành Họp về việc công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, đầu năm học 2025-2026.

- Thành phần tham dự gồm có (Ban chỉ đạo):

1. Nguyễn Anh Khoa – Hiệu trưởng – Trưởng ban;
2. Trần Thị Mỹ Hương – Phó Hiệu trưởng – Phó Trưởng ban;
3. Ngô Thanh Bình – Phó Hiệu trưởng – Phó Trưởng ban;
4. Lê Hồng Minh Toàn – TT Tổ Văn phòng – Văn thư, Thủ quỹ - Thư ký;

5. Võ Văn Hòa – Bí thư chi đoàn – TP Tổ KHTN – CN – Thành viên;
6. Phạm Thị Thúy Liễu – Tổng phụ trách Đội – Thành viên;
7. Doãn Hồng Nhung – Kế toán – Thành viên;
8. Trần Thị Minh Thương – Thư viện – Quản trị công sở – Thành viên;
9. Nguyễn Thị Thúy Hằng – GV, kiêm phụ trách phòng Thiết bị giáo dục – Thành viên;

10. Mai Thị Vui – TT Tổ 1,2,3 – Thành viên;
11. Nguyễn Thị Kiều Chinh – TT Tổ 4,5 – Thành viên;
12. Nguyễn Hoàng Trung – TT Tổ Toán – Tin – Thành viên;
13. Lê Nhật Tiến – TT Tổ KHTN – CN – Thành viên;
14. Trương Thị Thục Trinh – TT Tổ KHXH – Thành viên;
15. Nguyễn Thị Diệu – TT Tổ TA – GDTC – NT – Thành viên;
16. Nguyễn Thị Em – TT Tổ Ngữ Văn – Thành viên;



NỘI DUNG

Ban chỉ đạo tiến hành về việc công khai Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, đầu năm học 2025-2026. Kết quả như sau:

1. Năm học 2025-2026 nhà trường đã thiết lập các văn bản:

(1) Kế hoạch số 302/KH-TH&THCS, ngày 25 tháng 9 năm 2025 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực Kế hoạch thực hiện quy định về công khai trong hoạt động theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2025-2026.

(2) Quyết định số 303/QĐ-TH&THCS, ngày 25 tháng 9 năm 2025 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy định về công khai trong hoạt động theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2025 – 2026.

(3) Quyết định số 304/QĐ-TH&THCS, ngày 25 tháng 9 năm 2025 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực, năm học 2025-2026.

2. Năm học 2025-2026 nhà trường công khai các phụ lục:

- Phụ lục 1: Thông tin chung về nhà trường
- Phụ lục 2: Thu, chi tài chính
- Phụ lục 3: Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục
- Phụ lục 4: Thông tin về cơ sở vật chất...
- Phụ lục 5: Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Về thiết bị chuyên dùng
- Phụ lục 6: Thông tin về kết quả đánh giá và KĐCLGD
- Phụ lục 7: Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp...
- Phụ lục 8: Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học
- Phụ lục 9: Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

3. Hình thức công khai:

- Trên địa chỉ điện tử: c12nguyentrungtrucpq@gmail.com
- Trên cổng thông tin điện tử: <https://c12nguyentrungtrucpq.edu.vn>
- Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại Văn phòng nhà trường đảm bảo thuận tiện cho tất cả viên chức, người lao động (VC, NLĐ), CMHS hoặc người học xem xét,...

- Biên bản về việc niêm yết công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là toàn bộ nội dung cuộc họp của Ban chỉ đạo về việc thực hiện công khai trong Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, đầu năm học 2025-2026 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực. Thư ký có thông qua cho tất cả các thành viên cùng nghe và thống nhất 100%. Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ



Lê Hồng Minh Toàn

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Anh Khoa



Phú Quốc, ngày 25 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT ban hành, năm học 2025 - 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Hôm nay, trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực tiến hành niêm yết các nội dung công khai theo quy định tại Điều 14 của Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục (theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT).

1. Thời gian: Lúc 14 giờ 40 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2025.

2. Địa điểm: Tại trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực.

3. Thành phần:

- Lãnh đạo nhà trường: 3/3 đồng chí;
- Đại diện BCH chi đoàn; Tổng phụ trách Đội; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; Kế toán; Thư viện – Quản trị công sở; Giáo viên kiêm nhiệm phụ trách phòng thiết bị giáo dục nhà trường.

4. Nội dung: Lãnh đạo nhà trường tiến hành xem xét các nội dung công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT và tiến hành niêm yết công khai tại đơn vị.

5. Hình thức công khai:

- Trên địa chỉ điện tử: c12nguyentrungtrucpq@gmail.com
- Trên cổng thông tin điện tử: <https://c12nguyentrungtrucpq.edu.vn>
- Trên bảng niêm yết công khai (đặt trước văn phòng và bảng thông tin tuyên truyền trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực).

Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2025. Thư ký có thông qua cho tất cả các thành viên cùng nghe và thống nhất 100%./.

THƯ KÝ



Lê Hồng Minh Toàn

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Anh Khoa



UBND ĐẶC KHU PHÚ QUỐC
TRƯỜNG TH VÀ THCS
NGUYỄN TRUNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Quốc, ngày 29 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai theo Quyết định số 2289-QĐ/TU, ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy Phú Quốc Quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý của Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực giai đoạn 2020- 2025, 2021- 2026 và giai đoạn 2025- 2030, 2026- 2031

Thực hiện Quyết định số 2289-QĐ/TU, ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy Phú Quốc Quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý của Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực giai đoạn 2020- 2025, 2021- 2026 và giai đoạn 2025- 2030, 2026- 2031.

Thực hiện Kế hoạch số 309/KH-TH&THCS, ngày 26 tháng 9 năm 2025 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực kế hoạch thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nguồn quy hoạch cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2020-2025, 2021-2026 và giai đoạn 2025-2030, 2026-2031 và Quyết định số 310/QĐ-TH&THCS, ngày 26 tháng 9 năm 2025 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nguồn quy hoạch cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2020-2025, 2021-2026 và giai đoạn 2025-2030, 2026-2031 trong đơn vị.

Hôm nay, trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực tiến hành niêm yết công khai theo Quyết định số 2289-QĐ/TU, ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy Phú Quốc Quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý của Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực giai đoạn 2020- 2025, 2021- 2026 và giai đoạn 2025- 2030, 2026- 2031.

1. Thời gian: Lúc 8 giờ 40 phút, ngày 29 tháng 9 năm 2025.

2. Địa điểm: Tại trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực.

3. Thành phần tham dự:

Tập thể Hội đồng sư phạm và các thành viên trong Ban chỉ đạo theo Quyết định số 310/QĐ-TH&THCS, ngày 26 tháng 9 năm 2025 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nguồn quy hoạch cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2020-2025, 2021-2026 và giai đoạn 2025-2030, 2026-2031 trong đơn vị cùng tham dự.

4. Nội dung công khai:

- Quyết định số 2289-QĐ/TU, ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy Phú Quốc Quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý của Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực giai đoạn 2020- 2025, 2021- 2026 và giai đoạn 2025- 2030, 2026- 2031.

- Kế hoạch số 309/KH-TH&THCS, ngày 26 tháng 9 năm 2025 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực kế hoạch thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nguồn quy hoạch cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2020-2025, 2021-2026 và giai đoạn 2025-2030, 2026-2031 và Quyết định số 310/QĐ-TH&THCS, ngày 26 tháng 9 năm 2025 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nguồn quy hoạch cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2020-2025, 2021-2026 và giai đoạn 2025-2030, 2026-2031 trong đơn vị.

5. Hình thức công khai:

- Trên địa chỉ điện tử: *c12nguyentrungtrucpq@gmail.com*
- Trên cổng thông tin điện tử: <https://c12nguyentrungtrucpq.edu.vn>
- Trên bảng niêm yết công khai (đặt trước văn phòng trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực).

Biên bản kết thúc lúc 9 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 9 năm 2025. Thư ký có thông qua cho tất cả các thành viên cùng nghe và thống nhất 100%/.

Nơi nhận:

- Như hình thức công khai;
- Lưu: VT, HT, hồ sơ công khai.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Anh Khoa